TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA** **-------** Số: 19/2019/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *H, Ngy 09 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngy 09 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hmở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 31/2019 /TLST-DS Ngy 22 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định mở phiên họp số 01/2019/QĐST-DS Ngy 30 tháng 7 năm 2019.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Trần Thị Th, sinh năm 1975 "Có mặt"

Địa chỉ: SN 79 Tr, phường B, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa

- Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1962 "Có mặt"

Địa chỉ : thôn H, xã Qu, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ngy 02 tháng 11 năm 2016, vợ chồng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Ng có vay của bà Trần Thị Th số tiền là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng). Ông T bà Ng đã trả được cho bà Th 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), vẫn còn nợ lại 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Bà Trần Thị Th đã đòi rất nhiều lần nhưng ông T và bà Ng không trả. Nay bà Th khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu ông T và bà Ng trả toàn bộ khoản tiền 280.000.000 đồng còn nợ.

Quá trình hòa giải tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện H, bà Trần Thị Th và bà Nguyễn Thị Ng đã thỏa thuận thống nhất: Bà Nguyễn Thị Ng sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền còn nợ là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) cho bà Trần Thị Th, bà Th không tính lãi suất.

Thời gian và phương thức trả nợ:

Bà Ng sẽ trả dần hàng tháng cho bà Th mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), thời gian trả vào từ Ngy 25 đến Ngy 30 hàng tháng, thời gian trả nợ kể từ tháng 7/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền nợ 280.000.000 đồng.

Nếu bà Nguyễn Thị Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hai tháng liên tục thì bà Trần Thị Th có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hthi hành toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Bà Trần Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi hòa giải thành tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án, bà Trần Thị Th và bà Nguyễn Thị Ng cùng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hgiải quyết việc dân sự: Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Hnhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Th khởi kiện đòi nợ đối với vợ chồng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Ng, sau khi được Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án hòa giải, bà Ng tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ cho bà Th, hai bên đương sự thống nhất về thời gian và phương thức trả nợ. Nay bà Trần Thị Th và bà Nguyễn Thị Ng cùng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hgiải quyết việc dân sự yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Htheo quy định tại các Điều 27, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án:

Bà Nguyễn Thị Ng tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ mà vợ chồng bà là ông Lê Văn Thiệp và bà Nguyễn Thị Ng đang nợ của bà Trần Thị Th, cụ thể số tiền nợ là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Việc tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ của bà Ng được bà Th thống nhất và không vi phạm quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Bà Trần Thị Th và bà Nguyễn Thị Ng đã thỏa thuận thống nhất về thời gian và phương thức trả nợ, số tiền trả nợ từng lần, trách nhiệm khi có vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bà Trần Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm. Sự thỏa thuận của hai bên đương sự đã được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành tại Trung tâm hòa giải đối thoại

tại Tòa án. Nay bà Trần Thị Th và bà Nguyễn Thị Ng cùng yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án, nhận thấy nội dung thỏa thuận hòa giải thành của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước. Vì vậy đủ điều kiện để Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án giữa bà Trần Thị Th và bà Nguyễn Thị Ng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Việc giải quyết việc dân sự tuân theo đầy đủ các thủ tục tố tụng luật định. Việc bà Trần Thị Th và bà Nguyễn Thị Ng cùng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án là phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hcăn cứ các Điều 27, Điều 35, Điều 416, Điều 417 và 418 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét chấp nhận đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án của bà Trần Thị Th và bà Nguyễn Thị Ng.

Căn cứ các Điều 27, Điều 35, Điều 416, Điều 417 và 419 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 35, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngy 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 31/2019 /TLST-DS Ngy 22 tháng 7 năm 2019, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Ng sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền còn nợ là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) cho bà Trần Thị Th, bà Th không tính lãi suất.

- Thời gian và phương thức trả nợ:

Bà Ng sẽ trả dần hàng tháng cho bà Th mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), thời gian trả vào từ Ngy 25 đến Ngy 30 hàng tháng, thời gian trả nợ kể từ tháng 7/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền nợ 280.000.000 đồng.

Nếu bà Nguyễn Thị Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hai tháng liên tục thì bà Trần Thị Th có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện H thi hành toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Điều 2. Lệ phí: Bà Trần Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/0005709 Ngy 22 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. (Bà Th đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND h. H;
- Những người yêu cầu;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Ngọc Tú

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 32-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định.

(3) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(4) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(5) và (15) Ghi số, ký hiệu, Ngy tháng năm thụ lý việc dân sự.

(6) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm Ngy, tháng, năm sinh; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(7) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản ủy quyền Ngy….tháng…. năm…..".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, địa chỉ là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, địa chỉ ……là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền Ngy... tháng... năm...).

(8) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(9) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (6).

(10) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (7).

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tóm tắt nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(13) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận đơn yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(14) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan (nếu có) để ra quyết định.

(16) Ghi nội dung thỏa thuận của các đương sự tại Biên bản hòa giải thành ngoài Tòa án.